

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 03 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 445/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 101/5, đường Trần Phú, Khóm 5, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Trịnh Thanh L**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 40a/4, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông **Trịnh Thanh L** quen biết, tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường 7, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải (nay là thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/1996, có tổ chức đám cưới theo tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, bà và ông L chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của bà tại địa chỉ số 101/5, đường Trần Phú, Khóm 5, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu hơn 01 năm thì về chung sống với cha mẹ của ông L tại địa chỉ số 40a/4, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu,

tỉnh Bạc Liêu cho đến khi ly thân. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, khoảng 7 – 8 năm nay bà và ông L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau, bất đồng ý kiến và đã sống ly thân khoảng 7 – 8 năm nay, khi ly thân thì bà sống với cha mẹ ruột bà tại địa chỉ số 101/5, đường Trần Phú, Khóm 5, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu còn ông L thì sống chung với cha mẹ của ông L tại địa chỉ số 40a/4, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình sống ly thân thì ông L có qua lại hàn gắn tình cảm với bà nhiều lần, nhưng không hàn gắn được. Do đó, tình cảm giữa bà và ông L hiện nay không còn, ly thân nhiều năm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông L có 02 người con chung tên Trịnh Thanh N, sinh ngày 25/7/1998 và Trịnh Thanh N, sinh ngày 23/02/2000, các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông L không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông L không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trịnh Thanh L:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, nhưng đều vắng mặt và không rõ lý do, do đó không có lời khai tại Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:* Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O đối với ông L. Về con chung: Các con đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà O xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim O khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Thanh L, cư trú tại số 40a/4, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, đây là tranh

chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bà O vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O và ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trịnh Thanh L đã được Ủy ban nhân dân Phường 7, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải (nay là thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/1996, nên hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà O xác định trong quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, khoảng 7 – 8 năm nay bà và ông L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau, bất đồng ý kiến và đã sống ly thân khoảng 7 – 8 năm nay, khi ly thân đến nay mỗi người sống một nơi; trong quá trình sống ly thân thì ông L có qua lại hàn gắn tình cảm với bà nhiều lần, nhưng không hàn gắn được, do tình cảm giữa bà và ông L hiện nay không còn, ly thân nhiều năm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn. Xét thấy, lời khai của bà O phù hợp với lời khai của ông Phạm Hồng Tâm là Trưởng khóm 5, phường 7, thành phố Bạc Liêu tại Biên bản xác minh ngày 01/02/2023 (bút lục số 49) xác định hiện nay bà O và ông L ly thân, lâu lâu chỉ thấy ông L về thăm con còn lý do ly thân thì địa phương không biết. Thấy rằng, bà O và ông L đã ly thân nhiều năm, bà O xác định quá trình sống ly thân bà và ông L có hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không hàn gắn được, hiện nay bà với ông L không còn tình cảm với nhau, xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà O và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được và mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân nhiều năm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông L.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà O và Giấy khai sinh, có căn cứ xác định trong quá trình chung sống bà O và ông L có 02 người con chung tên Trịnh Thanh N, sinh ngày 25/7/1998 và Trịnh Thanh N, sinh ngày 23/02/2000. Xét thấy, hiện nay các con đã trưởng thành, bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà O xác định trong quá trình chung sống bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà O xác định trong quá trình chung sống bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông L là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà O phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O. Xử cho bà Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với ông Trịnh Thanh L.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Thanh N, sinh ngày 25/7/1998 và Trịnh Thanh N, sinh ngày 23/02/2000, hiện nay các con đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim O xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim O xác định không có; nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng. Bà O đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008034 ngày 01/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Trung